

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 07: từ ngày 29/09/2025 đến ngày 05/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K10-VDTY	Sáng					
K11-VDTY	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 3	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	KTTG (Nga) 4	
K9-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4				
P.E305	Chiều		Luật kinh tế (Huyền) 3			
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4		Anh văn CN (Phiên) 4		Kỹ năng mềm (Dung) 4
K11-KTDN	Chiều		Luật kinh tế (Huyền) 3	Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	
P.E305						
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1	Sáng					
P.B301	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây rau (Huệ) 4	
TT65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Đất và phân bón (Hương) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	GD chính trị (Quế) 2 Pháp luật (Huyền) 2	Tin học (Thoa) 4
P.B201	Chiều					
CN64A1	Sáng					
P.E204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1 Ký sinh trùng thú y (Phượng) 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	
CN65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giáo dục chính trị (Tài) 2 GDTC (Thuý) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4
P.B202	Chiều					
CN65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 Dược lý thú y (Duyên) 4	GDTC (Hội) 2 GD chính trị (Quế) 2	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
P.B203	Chiều					
CN65A4	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Dược lý thú y (Lệ) 2 GDTC (Hà) 2	Pháp luật (Nga) 2 GD chính trị (Quế) 2	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4
P.E101	Chiều					

LN65A P.E203	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Đo đạc (Tuyết) (P.E203)	2	Tiếng anh (Linh)	2	An toàn lao động (Hùng) (P.E. 2	An toàn lao động (Hùng)	4	
		Đo đạc (Tuyết) (P.E203)	4	Pháp luật (Nga)	2	GD chính trị (Quế)	2	GDTC (Hội)	2	(P.E203)	
		Các môn Tiếng anh, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp KTDN65A1 tại P. B103									
KTDN64A1 P.B101	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoa)	1	Thống kê doanh nghiệp (Thuý)	4	Kế toán DN 2 (P.Thảo)	4	Thuế (P.Thảo)	4		
		KTNS xã phường (Hoa)	3								
KTDN64A2 P.B102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý)	1	Thuế (P.Thảo)	4	Thống kê DN (Thuý)	4	KTNS xã phường (Hoa)	4		
		Kế toán DN 2 (Dung)	3								
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dung)	1	GD chính trị (Quế)	2	Tiếng anh (Linh)	2	Kinh tế vi mô (Thuý)	2	Kỹ năng mềm (Dung)	4
		Lý thuyết KT (Q.Mai)	4	Pháp luật (Nga)	2	Nguyên lý thống kê (Hoa)	2	GDTC (Hội)	2		
	Chiều										
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Sinh hoạt lớp (P.Thảo)	1	Kinh tế vi mô (Thuý)	2	Nguyên lý thống kê (Hoa)	2	Tiếng anh (K.Nhung)	2	Nguyên lý thống kê (Hoa)	2
		Kinh tế vi mô (Thuý)	4	GD chính trị (Thắm)	2	Tiếng anh (K.Nhung)	2	GDTC (Quang)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2
	Chiều										
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Quang)	1	XD phần mềm QLBH (Hà)	4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4	QTCSDL với Access (Phương)	4		
		Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	3								
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4	QTCSDL với Access (Phương)	4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4		
		Lập trình Windown (Thảo)	3								
CNTT65A1 P.B205	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hà)	1	GD chính trị (Thắm)	2	Tin học (Hà)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2
		Tiếng anh (K.Nhung)	4	GDTC (Thuý)	2			Tiếng anh (K.Nhung)	2	GD chính trị (Thắm)	2
	Chiều										
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Sinh hoạt lớp (Phương)	1	Pháp luật (Huyền)	2	Tin học (Phương)	4	Tiếng anh (Linh)	2	Tin học (Phương)	4
		Tiếng anh (Linh)	4	GDTC (Hà)	2			Kỹ năng mềm (Sơn)	2		
	Chiều										
ĐCN64A1 P.E103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Tuấn)	1	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4		
		Cung cấp điện (Tuấn)	3								
ĐCN64A2 P.E104	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Giáp)	1	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4		
		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	3								
ĐCN64A3 P.E102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà)	1	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Trang bị điện (Nga)	4		
		Trang bị điện (Nga)	3								

ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huyền) Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức) Tin học (Hà)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều					Tin học (Hà)	2 2
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiến) Vật liệu điện (N.Đức)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều					Tin học (Phương)	4
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) An toàn điện (Hòa)	1 4	Tin học (Phương)	4	Mạch điện (Dương)	4
	Chiều					Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức)	4
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga) Tin học (Trường)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Tiếng anh (K.Nhung) Pháp luật (Huyền)	2 2
	Chiều					An toàn điện (Hòa)	4
TL64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (N.Đức) KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mai) Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	KTNS xã phường (T.Thảo)		Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	4
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Quản lý chất lượng TS (Liên)	1 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4
KTM TT64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) Tự động máy tàu thủy (Đồng)	1 3	Luật hàng hải (Trung)	4	Tự động máy tàu thủy (Đồng)	4
NTTS64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Sản xuất giống tôm sú (Ánh)	1 3	Sản xuất giống tôm sú (Ánh)	4	Sản xuất giống tôm sú (Ánh)	4
Các lớp K65B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Tiếng anh (T.Nhung)	1 3	GDTC (Quang)		Tiếng anh (T.Nhung)	4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN							
THỨ LỚP		Thứ 6			Thứ 7		Chủ nhật
TT64A2	Sáng	Bệnh cây CK (Hương)	4	Sinh hoạt lớp (Lịch) Cây công nghiệp (Thọ)	1 4	Khí tượng NN (Lịch)	4
	Chiều			Cây dược liệu (Bình)	4	Cây rau (Huệ)	4

TT64A3	Sáng	Cây lương thực (Bình) (P. B204)	4	Sinh hoạt lớp (Huệ)	1	Giống cây trồng (Huyền)	4
TT65A2				Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4		
P.B204	Chiều			Cây công nghiệp (Thọ)	4	Bệnh cây đại cương (Lịch)	4
CN64A2	Sáng	Dược lý thú y (Duyên) (P.B205)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	1	KTNPTB cho lợn	4
CN65A2				VSV - TN (Phượng)	4	(Hưng)	
P.B205	Chiều			KTNPTB cho lợn (Hưng)	4	KTNPTB cho gà vịt (Hoà)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 07: từ ngày 29/09/2025 đến ngày 05/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	<i>HDTN (Nhưng)</i> 1	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Hà) 2
		Địa lý (Thuý) 3	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 2	Vật lý (Dịu) 2	Hoá học (Doan) 2
VH63B3 P.B302	Sáng	<i>HDTN (Hà)</i> 1	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hằng) 4	Sinh học (Phượng) 2	Địa lý (Phương) 2
	Chiều	Hóa học (Hà) 3			Toán (Lan Anh) 2	GDKT và PL (Quế) 2
VH63B4 P.B303	Sáng	<i>HDTN (Dự)</i> 1	Địa lý (Linh) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Hoá học (Vân) 2
		Lịch sử (Dự) 3	Hoá học (Vân) 2	Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Linh) 1	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Vật lý (Hoà) 2	Toán (Nhưng) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Linh) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Ngữ văn (Hường) 2
VH63B7 P.B305	Sáng	<i>HDTN (Nga)</i> 1	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	GDKT và PL (Nga) 2
		Ngữ văn (H.Hà) 3	Vật lý (Hoà) 2	Hoá học (Vân) 2	Toán (Quý) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2
VH63B8 P.B306	Sáng	<i>HDTN (K.Nhưng)</i> 1	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Địa lý (Linh) 2	Ngữ văn (Hường) 2
		Toán (Quý) 3	Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Dự) 2	Toán (Quý) 2
VH64B1	Sáng	<i>HDTN (Hằng)</i> 1	Hoá học (Doan) 2	Toán (Nhưng) 2	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 2
		Ngữ văn (Hằng) 3	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2		Lịch sử (Hà) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	<i>HDTN (Vân)</i> 1	Toán (Dương) 2	Lịch sử (Dự) 2	Địa lý (Thuý) 4	Lịch sử (Dự) 2
		Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2		Toán (Dương) 2
VH64B4 P.E201	Sáng	<i>HDTN (H.Nga)</i> 1	Ngữ văn (Hương) 2	Lịch sử (Hằng) 2	Địa lý (Nga) 2	Hoá học (Hà) 2
		Địa lý (Nga) 3	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hương) 2	GDKT và PL (Thắm) 2	Vật lý (Trung) 2

VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà) Lịch sử (Hằng)	1 3	Hóa học (Hà) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Vật lý (Hoà)	2 2	Toán (Dương) Địa lý (Phương)	2 2
VH64B6 P. B101	Sáng	HĐTN (H. Hà) Địa lý (Linh)	1 3	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Toán (Quý) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Quý) Địa lý (Linh)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2
VH64B8 P.E204	Sáng	HĐTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hóa học (Vân) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phương) Lịch sử (Dự)	2 2	Toán (Lan Anh) Sinh học (Phượng)	2 2	Lịch sử (Dự) Sinh học (Phượng)	2 2
VH65B1	Sáng	HĐTN (Thuý) Vật lý (Dịu) GDKT và PL (Thuý)	1 2 1	Địa lý (Thuý) Hóa học (Doan)	2 2	Vật lý (Dịu) Toán (Hương)	2 2	GDKT và PL (Thuý) Ngữ văn (Hằng)	2 2	Toán (Hương) Địa lý (Thuý)	2 2
VH65B2 P.E301	Chiều	HĐTN (Quyên) Ngữ văn (H.Hà) Toán (Dương)	1 2 1	Ngữ văn (H.Hà) Lịch sử (Dự)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Địa lý (Thuý)	2 2	Vật lý (Dịu) Toán (Dương)	2 2	Địa lý (Thuý)	3
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý) Toán (Quý) GDKT và PL (Thắm)	1 2 1	Hóa học (Vân) Toán (Quý)	2 2	Hóa học (Vân) Địa lý (Phương)	2 2	Ngữ văn (Lý) Vật lý (Dịu)	2 2	Địa lý (Phương)	3
VH65B4 P.E304	Chiều	HĐTN (Mạnh) GDKT và PL (Nga) Hóa học (Vân)	1 2 1	Toán (Quý) Vật lý (Trung)	2 2	Địa lý (Thuý) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Nhưng)	3
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Hương) Toán (Dương) GDKT và PL (Nga)	1 2 1	Toán (Dương) Địa lý (Linh)	2 2	Ngữ văn (Hương) Sinh học (Phượng)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Địa lý (Linh)	2 2	Vật lý (Dịu)	3
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) Sinh học (Phượng) Vật lý (Trung)	1 1 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Phương)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phương) Vật lý (Trung)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý)	3
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Phương)	2 2	Vật lý (Trung) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Vật lý (Trung)	3
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) GDKT và PL (Quyên) Toán (Lan Anh)	1 1 2	Địa lý (Linh) Lịch sử (Hằng)	2 2	Lịch sử (Hằng) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Địa lý (Linh) Ngữ văn (Hường)	2 2		
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hong) Toán (Lan Anh) Sinh học (Hong)	1 1 2	Lịch sử (Hằng) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phương) Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Toán (Lan Anh)	3

VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thấm)	1	Vật lý (Hoà)	2	GDKT và PL (Thấm)	2	Vật lý (Hoà)	2	Ngữ văn (Lý)	3
		GDKT và PL (Thấm)	1	Toán (Dương)	2	Toán (Dương)	2	Ngữ văn (Lý)	2		
		Lịch sử (Dự)	2								
VH65B11 P.E101	Chiều	HĐTN (Quế)	1	Ngữ văn (Hương)	2	Toán (Dương)	2	Toán (Dương)	2	Toán (Dương)	3
		Lịch sử (Hằng)	3	Hoá học (Vân)	2	GDKT và PL (Quế)	2	Sinh học (Hồng)	2		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu